ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 59 /2024/QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 08 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định biện pháp thi hành khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 về diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Quyết định này không quy định về diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

3. Cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng đất nông nghiệp.

4. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

Điều 3. Diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, cụ thể như sau:

1. Không quá 10 m² đối với thửa đất hoặc khu đất có diện tích dưới 500 m².

2. Không quá 30 m² đối với thửa đất hoặc khu đất có diện tích từ 500 m² đến dưới 5.000 m² .

3. Không quá 60 m² đối với thửa đất hoặc khu đất có diện tích từ 5.000 m² đến dưới 10.000 m² .

4. Không quá 100 m² đối với thửa đất hoặc khu đất có diện tích từ 10.000 m² đến dưới 50.000 m² .

5. Không quá 150 m² đối với thửa đất hoặc khu đất có diện tích từ 50.000 m² đến dưới 100.000 m² .

6. Không quá 200 m² đối với thửa đất hoặc khu đất có diện tích từ 100.000 m² đến dưới 300.000 m² .

7. Không quá 300 m² đối với thửa đất hoặc khu đất có diện tích từ 300.000 m² trở lên.

8. Trường hợp công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được xây dựng tại nhiều vị trí của thửa đất hoặc khu đất thì tổng diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như khoản 2 Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài nguyên và Môi trường);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CNXD, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Mah Tiệp